

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2022

BẢO CÁO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢO CẢO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BẢO CẢO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BẢO CẢO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 32

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần An Thịnh (sau đây được gọi là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông: Ngô Huy Vinh
Ông: Vũ Trọng Huy
Ông: Nguyễn Lương Hoà
Bà: Quảng Thu Hằng
Bà: Nông Thị Túe
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Chủ tịch

Ban Kiểm soát

Ông: Bùi Duy Anh
Bà: Nguyễn Thủy Dương
Bà: Đỗ Thị Hằng Vân
Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông: Ngô Huy Vinh
Ông: Nguyễn Đình Thăng
Giám đốc
Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Vũ Thị Hạnh

CÁC SỰ KIỆN PHẤT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại thuyết minh số 29.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIỆN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phần ảnh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BẢO CẦU CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
 - Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
 - Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
 - Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
 - Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Huy Vinh
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 17 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TẠI CHỖ KIỂM GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần An Thịnh
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Kính gửi:

Các cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần An Thịnh

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 10 năm 2022, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

• Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau thời điểm 30/06/2022, do đó chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình tại thời điểm giữa năm và đầu năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu cũng như giá trị của tiền mặt tồn quỹ, giá gốc – hàng tồn kho và nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 với giá trị lần lượt là 5,7 tỷ VND; 4,8 tỷ VND; và 29,7 tỷ VND (Tại 01/01/2022 với giá trị lần lượt là 19,6 tỷ VND; 4,8 tỷ VND; và 29,7 tỷ VND).

• Công ty chưa thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 30/06/2022 và 01/01/2022 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng. Tra trước cho người bán ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước với giá trị lần lượt tại ngày 30/06/2022 là 20,3 tỷ VND; 59,8 tỷ VND, 6,4 tỷ VND và 2,8 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2022 với giá trị lần lượt là 13,9 tỷ VND; 1,65 tỷ VND; 6,4 tỷ VND và 2,8 tỷ VND). Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, đầy đủ, giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả, nhà năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu đều đã qua hạn cũng như các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty.

• Chúng tôi không tiếp cận được hồ sơ, tài liệu về các khoản Tra trước cho người bán phát sinh trong kỳ với tổng số tiền là 56.500.000.000 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về tính có thật và đúng đắn của khoản Tra trước cho người bán trên.

**BẢO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp)

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản công nợ về Phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán, Tạm ứng và Phải thu khác chưa được đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng với số tiền ước tính là 41.042.154.712 đồng, cụ thể: Phải thu khách hàng là 7.363.388.455 đồng, Trả trước cho người bán là 3.102.980.777 đồng, Tạm ứng là 8.200.000.000 đồng và Phải thu khác là 22.375.785.480 đồng (trong đó Phải thu về lãi cho vay là 18.000.000.000 đồng và phải thu liên kết kinh doanh là 4.375.785.480 đồng). Nếu thực hiện trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên với số tiền 41.042.154.712 đồng, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập 41.042.154.712 đồng; "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tăng lên và giảm đi lần lượt là 41.042.154.712 đồng, 41.042.154.712 đồng.

- Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 đang ghi nhận khoản hợp tác đầu tư và khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Mã vay với số dư tương ứng là 52 tỷ đồng và 43 tỷ đồng (tại thời điểm 01/01/2022 số dư tương ứng là 95,7 tỷ đồng và 41,2 tỷ đồng). Với những thông tin hiện có, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính suy giảm giá trị của khoản đầu tư và khoản cho vay nêu trên cũng như giá trị có thể thu hồi của khoản này. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng cần trích lập của các khoản đầu tư và cho vay này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 29.3, Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty không có doanh thu, kết quả kinh doanh lỗ (2.430.869.064) đồng; Lỗ lũy kế đến 30/06/2022 là (98.227.930.820) đồng và các khoản vay đã quá hạn là 70,6 tỷ chưa được gia hạn thời gian thanh toán. Trong 6 tháng đầu năm 2022 không có luồng tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban giám đốc Công ty cam kết Công ty vẫn hoạt động liên tục. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giá định giá đáp ứng hoạt động liên tục.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 29.3 ngày 21/9/2020 Cục thuế tỉnh Bắc Kạn đã ra thông báo số 1757/TB-CT ngày 21/09/2020 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

**BẢO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIEP)**

Vấn đề khác

Bảo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần An Thịnh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận từ chối đưa ra ý kiến với bảo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 10/09/2021. Bảo cáo tài chính của Công ty Cổ phần An Thịnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận từ chối đưa ra ý kiến với bảo cáo tài chính này tại ngày 30/03/2022.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHANH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

11/11/2021

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẪN HẠN	100		104.122.459.095	61.517.152.162
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.693.224.870	19.637.924.281
Tiền	111		5.693.224.870	19.637.924.281
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.426.992.095	36.886.341.095
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	30.961.395.391	32.192.404.391
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	59.841.389.689	3.269.729.689
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	25.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	26.203.150.000	25.003.150.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(48.578.942.985)	(48.578.942.985)
Hàng tồn kho	140	9	4.821.275.234	4.821.275.234
Hàng tồn kho	141		4.821.275.234	4.821.275.234
Tài sản ngắn hạn khác	150		180.966.896	171.611.552
Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.663.076	160.307.732
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.303.820	11.303.820
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.261.334.188	65.026.123.557
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.577.928.487	47.959.306.978
Phải thu dài hạn khác	216	8	52.353.713.967	95.735.092.458
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(47.775.785.480)	(47.775.785.480)
Tài sản cố định	220		11.807.292.336	12.180.355.486
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.195.098.385	2.361.393.923
- Nguyên giá	222		29.766.135.672	29.766.135.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.571.037.287)	(27.404.741.749)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.612.193.951	9.818.961.563
- Nguyên giá	228		10.338.380.593	10.338.380.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(726.186.642)	(519.419.030)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	4.870.939.510	4.870.939.510
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.870.939.510	4.870.939.510
Tài sản dài hạn khác	260		5.173.855	15.521.583
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.173.855	15.521.583
TỔNG TÀI SẢN	270		125.383.793.283	126.543.275.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		84.771.724.103	83.500.337.475
Nợ ngắn hạn	310		81.771.724.103	80.500.337.475
Phải trả người bán ngắn hạn	311		6.359.111.436	6.359.111.436
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.788.085.000	2.788.085.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.951.962.126	3.182.971.126
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.960.405.321	32.464.836.086
Phải trả ngắn hạn khác	319		8.791.457	1.965.064
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		35.703.368.763	35.703.368.763
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		3.000.000.000	3.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.612.069.180	43.042.938.244
Vốn chủ sở hữu	410	19	40.612.069.180	43.042.938.244
Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.840.000.000	138.840.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.840.000.000	138.840.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(98.227.930.820)	(95.797.061.756)
- LNST chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước	421a		(95.797.061.756)	(18.513.508.893)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.430.869.064)	(77.283.552.863)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		125.383.793.283	126.543.275.719

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022



Ngô Huy Vinh

Giám đốc

Và Thị Hành

Kế toán trưởng

Và Thị Hành

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	VND	
			Từ 01/01/2022	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		91.681.817	91.681.817
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.681.817	-
Giá vốn hàng bán	11		49.132.565	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.549.252	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.200.173.575	1.200.031.091
Chi phí tài chính	22		2.495.569.235	2.422.076.083
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.495.569.235	2.422.076.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		928.705.792	73.530.947.914
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.224.101.452)	(74.710.443.654)
Thu nhập khác	31		-	150.000.000
Chi phí khác	32		206.767.612	231.034.491
Lợi nhuận khác	40		(206.767.612)	(81.034.491)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.430.869.064)	(74.791.478.145)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.430.869.064)	(74.791.478.145)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			(5.387)
	27		(175)	(5.387)

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Giám đốc

Ngô Huy Vinh



Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng

Người lập biểu

Vũ Thị Hằng

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chi tiêu	Mã	Thuyết	số	minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
					đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
					VND	VND

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	-		204.066.477	-
	2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(56.571.660.000)		(61.705.233)	
	3	Tiền chi trả cho người lao động	(135.687.834)		(147.687.840)	
	6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	43.400.000.000		21.790.000.000	
	7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(571.525.152)		(456.099.172)	
	20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.878.872.986)		21.328.574.232	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	-		150.000.000	
	27	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	173.575		31.091	
	30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	173.575		150.031.091	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-		-	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.878.699.411)		21.478.605.323	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.637.924.281		2.949.551.165	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.759.224.870		24.428.156.488	

	4		4			
--	---	--	---	--	--	--

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Giám đốc



Ngô Huy Vinh

Kế toán trưởng

Và Thị Hành

Người lập biểu

Và Thị Hành

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần An Thịnh là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01/03/2004 và thay đổi lần thứ 13 ngày 11/07/2019.
 Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
 Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 8 người (tại ngày 31/12/2021 là 8 người).

1.2. LINH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Thương mại, dịch vụ, xây lắp

1.3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Phá dỡ; Chậu bị mặt bằng; Khai thác quặng sắt; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Cửa xe, bảo vệ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất ben tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Xây dựng công trình đường bộ; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị và đồ dùng htu hình khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

1.4. CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. CẦU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty CP An Thịnh – CN Hồ Chí Minh	Số 67A Lương Trúc Đàm, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty CP An Thịnh – CN Yên Bái	Khu công nghiệp phía Nam - Xã Văn Phú - Thành phố Yên Bái - Yên Bái.
- Công ty CP An Thịnh – CN Hà Nội	Khu Văn Phòng, Đồi Mọc, Thôn Tân Phúc - Xã Sơn Đông - Thị Xã Sơn Tây - Hà Nội.
- Công ty CP An Thịnh – CN Thái Nguyên	Số 188 đường Thống Nhất - Phường Đông Quang - Thành phố Thái Nguyên - Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng, là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỨC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chỉnh sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỨC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập bảo cảo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHỖ

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

3.5 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty gồm: Dự án “Khu nghỉ dưỡng SPA Cây Bò Đẻ” tại Đảo Kê Xiết, Hồ Đông Mô, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Mô làm chủ đầu tư.

Tại sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Thu nhập từ việc bán hoặc sở hữu phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu chung của các bên liên doanh thì được theo dõi như tài sản giữ hộ, Trường hợp Công ty ghi nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản giữ hộ, không hạch toán toàn tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu kỹ thuật cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ CHỈNH GỬA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã qua hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào trình trạng sản phẩm hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa số lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

HÀNG TỒN KHO

3.7

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chung.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

3.8

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lại, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền khai thác mỏ cất tại Thái Nguyên

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thập hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhập ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 8% đến 10%

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay

3.16 CHI PHÍ TẠI CHỖ

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

3.15 CHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Các khoản vay, nợ thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kê ước và các hợp đồng vay, nợ thuế tài chính.

3.13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. toàn, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cộng	
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn	11.952.378
- Tiền mặt	5.681.272.492
	5.693.224.870
	19.637.924.281

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Bảo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên nắm giữ trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên quan, cơ sở kinh doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Nhưng doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên quan, cơ sở kinh doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

H/ N.0. K/ A/F/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các hạng mục này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	30.961.395.391	23.578.942.985	32.192.404.391	23.578.942.985
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Anh Hương	2.823.467.510	1.976.427.257	2.823.467.510	1.976.427.257
- Công ty CP XNK Lâm nghiệp Yên Bái	12.127.500.000	12.127.500.000	12.127.500.000	12.127.500.000
- Công ty CP Xây dựng Phát triển Đại Dương	9.475.015.728	9.475.015.728	9.475.015.728	9.475.015.728
- Ban QLDA Giao thông Bắc Kạn - Sở GTVT Bắc Kạn	2.619.522.104	-	3.850.531.104	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sơn Phát	3.341.173.018	-	3.341.173.018	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	574.717.031	-	574.717.031	-
Cộng	30.961.395.391	23.578.942.985	32.192.404.391	23.578.942.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	59.841.389.689	-	3.269.729.689	-
- Công ty TNHH Bình Thanh	1.539.642.200	-	1.539.642.200	-
- Công ty CP Do đặc và KS - XNKs thăm dò địa chất	423.500.000	-	423.500.000	-
- Công ty TNHH TMĐV Phát triển Chiến Thắng PRO	438.137.350	-	438.137.350	-
- Các khoản phải trả người bán khác	57.440.110.139	-	868.450.139	-
Cộng	59.841.389.689	-	3.269.729.689	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000

(*) Cho công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô vay theo Hợp đồng vay số 01.08.13/HĐVV ký ngày 1/8/2013 và Phụ lục số 25.10.14/HĐVV ngày 25/10/2014. Thời hạn vay 5 năm tính từ ngày hoàn vay giải ngân. Lãi suất cho vay là 9,6%/năm. Lãi suất được thanh toán 1 lần khi đáo hạn và khoản cho vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	26.203.150.000	-	25.003.150.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	18.000.000.000	-	16.800.000.000	-
- Tạm ứng (*)	8.200.000.000	-	8.200.000.000	-
- Phải thu khác	3.150.000	-	3.150.000	-
Dài hạn	52.353.713.967	-	95.735.092.458	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô (**)	52.151.570.961	47.775.785.481	95.551.570.961	47.775.785.481
- Thu hồi phí xăng xe	693.120	-	693.120	-
- Ký quỹ, ký cược	201.449.886	-	182.828.377	-
Cộng	78.556.863.967	-	120.738.242.458	-

(*) Các khoản Tạm ứng cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty không có tài sản đảm bảo.

(**) Là khoản phải thu theo Hợp đồng liên kết kinh doanh số 01/LKKD/2011-DM-MT ngày 03/01/2011 về việc xây dựng và vận hành Dự án Khu nghỉ dưỡng SPA Cây Bò đề tại Đảo Kè Xiết, Hồ Đồng Mô, xã Sơn Đông, Thị xã Sơn Tây, Tp. Hà Nội do Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô làm Chủ đầu tư, cụ thể: Tổng vốn góp dự kiến để thực hiện dự án khoảng 440 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần An Thịnh góp từ 130-140 tỷ đồng; thời gian hợp tác là 22 năm kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Hình thức góp vốn: bằng tiền, tài sản, hàng tồn kho, nhân công và các tài sản khác không trái qui định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi ích hay thua lỗ dựa trên việc phân chia chi tiêu thu nhập trước thuế + Lãi vay + Khấu hao (EBITDA) từ việc kinh doanh dịch vụ hàng năm của dự án.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/ATB/NQ-DHCD ngày 24/06/2019 thông qua việc thu hồi lại khoản Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô để tái cơ cấu trúc lại khoản đầu tư. Hai bên đã có Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán khoản đầu tư kỳ ngày 06/06/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty mới thu hồi được 66 tỷ.

(***) Các khoản phải thu với bên liên quan (Xem thuyết minh 29.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	154.439.930	-	154.439.930	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.666.835.304	-	4.666.835.304	-
Cộng	4.821.275.234	-	4.821.275.234	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dùng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	6.145.675.729	14.436.999.704	9.046.324.675	87.135.564	50.000.000	29.766.135.672
30/06/2022	6.145.675.729	14.436.999.704	9.046.324.675	87.135.564	50.000.000	29.766.135.672
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	(3.937.883.322)	(14.436.999.704)	(8.938.973.159)	(87.135.564)	(3.750.000)	(27.404.741.749)
- Khấu hao trong kỳ	(145.285.437)	-	(21.010.101)	-	-	(166.295.538)
30/06/2022	(4.083.168.759)	(14.436.999.704)	(8.959.983.260)	(87.135.564)	(3.750.000)	(27.571.037.287)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2022	2.207.792.407	-	107.351.516	-	46.250.000	2.361.393.923
30/06/2022	2.062.506.970	-	86.341.415	-	46.250.000	2.195.098.385

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2022 là: 2.148.848.385 đồng; tại ngày 01/01/2022 là: 2.596.485.002 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 23.673.704.965 đồng; tại ngày 01/01/2022 là 23.673.704.965 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN BỘ (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUỒN GIÁ	01/01/2022	30/06/2022
GIÁ TRỊ HAO MÓN	(519.419.030)	(519.419.030)
- Khấu hao trong kỳ	(206.767.612)	(726.186.642)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	9.818.961.563	9.612.193.951

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DẠNG

Xây dựng cơ bản	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí tham dò khai thác mỏ	1.490.638.313	1.490.638.313
Dự án trụ sở làm việc Công ty	3.380.301.197	3.380.301.197
Cộng	4.870.939.510	4.870.939.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hạn	6.359.111.436	6.359.111.436	6.359.111.436	6.359.111.436
- Công ty Cổ Phần Thương mại Hà Chung	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480
- Công ty CP Dầu tư và Xây dựng Bắc Kạn	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764
- Công TNHH MTV Ngọc Tùng	901.633.590	901.633.590	901.633.590	901.633.590
- Các khoản phải trả người bán khác	1.780.458.602	1.780.458.602	1.780.458.602	1.780.458.602
Cộng	6.359.111.436	6.359.111.436	6.359.111.436	6.359.111.436

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hạn	2.788.085.000	-	2.788.085.000	-
- Lê Khánh Trinh	2.600.000.000	-	2.600.000.000	-
- Các khoản khác	188.085.000	-	188.085.000	-
Cộng	2.788.085.000	-	2.788.085.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	01/01/2022		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp							
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp		2.020.157.409	-	1.231.009.000		789.148.409	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.162.813.717	-	-		1.162.813.717	
		3.182.971.126		-		1.231.009.000	1.951.962.126

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH	30/06/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Nghân hàng BIDV Việt Nam - CN Bắc Kạn (*)	35.703.368.763	35.703.368.763	-	-	35.703.368.763	35.703.368.763
	35.703.368.763	35.703.368.763	-	-	35.703.368.763	35.703.368.763
Cộng	35.703.368.763	35.703.368.763	-	-	35.703.368.763	35.703.368.763

- (*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn theo các hợp đồng tín dụng theo món và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2016/789057/HĐTD ngày 30/12/2016 về sửa đổi lịch trả nợ gốc, lãi và số 01/2017/789057/HĐTD ngày 20/02/2017 về sửa đổi lãi suất các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí các hợp đồng thi công trình kỹ với khách hàng.
 - Lãi suất cho vay: Áp dụng cho thời điểm hiện tại là từ 9%/năm đến 10,5%/năm.
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng tài sản, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH		Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn		Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	
BẢO CẢO TÀI CHÍNH					
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)					
<i>(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)</i>					
17. PHẢI TRẢ KHÁC					
	Ngân hàng	8.791.457	1.965.064		
	- Bảo hiểm xã hội	6.826.392	-		
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.965.065	1.965.064		
	Dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000		
	- Nhân kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000		
	Cộng	3.008.791.457	3.001.965.064		
18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ					
	Ngân hàng	34.960.405.321	32.464.836.086		
	- Lãi vay phải trả	34.960.405.321	32.464.836.086		
	Cộng	34.960.405.321	32.464.836.086		
19. VỐN CHỦ SỞ HỮU					
19.1 BẢNG ĐỔI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU					
	Khả năng mục	VND	VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.840.000.000	120.326.491.107		
	- Lỗ trong năm trước	-	(77.283.552.863)		
		138.840.000.000	(95.797.061.756)		
	31/12/2021	138.840.000.000	43.042.938.244		
	01/01/2022	138.840.000.000	43.042.938.244		
	- Lỗ trong kỳ này	-	(2.430.869.064)		
		138.840.000.000	(98.227.930.820)		
	30/06/2022	138.840.000.000	40.612.069.180		
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.840.000.000	120.326.491.107		
	- Lỗ trong năm trước	-	(77.283.552.863)		
		138.840.000.000	(95.797.061.756)		
	31/12/2021	138.840.000.000	43.042.938.244		
	01/01/2022	138.840.000.000	43.042.938.244		
	- Lỗ trong kỳ này	-	(2.430.869.064)		
		138.840.000.000	(98.227.930.820)		
	30/06/2022	138.840.000.000	40.612.069.180		
	Tổng cộng	VND	VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.840.000.000	120.326.491.107		
	- Lỗ trong năm trước	-	(77.283.552.863)		
		138.840.000.000	(95.797.061.756)		
	31/12/2021	138.840.000.000	43.042.938.244		
	01/01/2022	138.840.000.000	43.042.938.244		
	- Lỗ trong kỳ này	-	(2.430.869.064)		
		138.840.000.000	(98.227.930.820)		
	30/06/2022	138.840.000.000	40.612.069.180		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.840.000.000	138.840.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	138.840.000.000	138.840.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	138.840.000.000	138.840.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
19.3 CỔ PHIẾU	30/06/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	13.884.000	13.884.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.884.000	13.884.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.884.000	13.884.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.884.000	13.884.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.884.000	13.884.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	91.681.817
		91.681.817

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	-	49.132.565
		49.132.565

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lai tiền gửi, tiền cho vay	1.200.173.575	1.200.031.091
	1.200.173.575	1.200.031.091

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.495.569.235	2.422.076.083
	2.495.569.235	2.422.076.083

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Công	928.705.792	73.530.947.914
-	Chi phí nhân viên quản lý	142.514.226
-	Chi phí vật liệu quản lý	10.347.728
-	Chi phí khấu hao Tài sản cố định	166.295.538
-	Thuế, phí và lệ phí	505.273.000
-	Chi phí dự phòng	-
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.529.263
-	Chi phí bằng tiền khác	65.746.037
	VND	VND

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Công	630.200.404	969.430.045
-	Chi phí nguyên vật liệu	10.347.728
-	Chi phí nhân công	142.514.226
-	Chi phí hao tài sản cố định	373.063.150
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.529.263
-	Chi phí bằng tiền khác	65.746.037
	VND	VND

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HẠN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.430.869.064)	(74.791.478.145)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(2.430.869.064)	(74.791.478.145)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. LẠI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.430.869,064)	(74.791.478,145)
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	13.884.000	13.884.000
Lại cơ bản trên cổ phiếu	(175)	(5.387)

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong kỳ Công ty không tiến hành sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 và nhận thấy thông tin bộ phận là không yêu cầu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch với bên liên quan	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Ông Ngô Huy Vinh	Ông Vũ Trọng Huy - Thành viên HĐQT làm đại diện pháp luật	Ông Ngô Huy Vinh	Ông Ngô Huy Vinh	Chủ tịch HĐQT kiểm Giám đốc	
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô		Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Lãi cho vay trong kỳ	1.200.000.000
		Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Trả lãi tiền liên kết kinh doanh	43.400.000.000

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Phải thu khác ngân hàng	18.000.000.000	16.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Phải thu khác dài hạn	52.151.570.961	95.551.570.961
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô	Phải thu về cho vay	25.000.000.000	25.000.000.000
Ông Ngô Huy Vinh	Tâm ứng	4.000.000.000	4.000.000.000

29.2 THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
VND	VND
54.000.000	54.000.000

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:
Ông Ngô Huy Vinh 54.000.000

54.000.000

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính đã được lập trên giả định hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty không có doanh thu, kết quả kinh doanh lỗ (2.430.869.064) đồng; Lỗ lũy kế đến 30/06/2022 là (98.227.930.820) đồng và các khoản vay đã quá hạn là 70,6 tỷ chưa được gia hạn thời gian thanh toán. Trong 6 tháng đầu năm 2022 không có luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban giám đốc Công ty cam kết Công ty vẫn hoạt động liên tục. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Bên cạnh đó, ngày 21/9/2020 Cục thuế tỉnh Bắc Kạn đã ra thông báo số 1757/TB-CT ngày 21/09/2020 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

29.4 SƠ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần An Thịnh đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần An Thịnh đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

Vu Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Vu Thị Hạnh

Giám đốc



Ngô Huy Vinh